

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2019/DS-PT
Ngày 25 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2019/TLPT-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Ấp PH, xã CS, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị H: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976 là đại diện theo ủy quyền (Tại văn bản ủy quyền ngày 31/01/2019)

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn M, huyện M, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Ấp PH, xã CS, huyện M, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C, sinh năm: 1970
(Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã CS, huyện M, tỉnh B.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trước đây bà H có làm chủ các dây hụi và bà D tham gia chơi cụ thể như sau:

+ Dây hụi khai ngày 19/6/2016 hụi 2.000.000 đồng gồm 31 phần, bà D tham gia chơi 01 phần đã hót còn nợ 18 tháng hụi chết không đóng với số tiền 36.000.000 đồng.

+ Dây hụi khai ngày 09/11/2017 gồm 21 phần, hụi 5.000.000 đồng, bà D tham gia chơi 01 phần đã hót còn lại 16 tháng hụi chết không đóng với số tiền 80.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi trên bà D còn nợ 116.000.000 đồng, sau đó có trả được 2.000.000 đồng, còn lại 114.000.000 đồng từ đó đến nay không trả.

Nay yêu cầu bà D, ông C liên đới trả cho bà H số tiền trên không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Ngô Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà H và còn nợ bà H 114.000.000 đồng như phía bà H trình bày. Việc bà chơi hụi là do chơi dùm cô bà con bên chồng nhưng danh sách chơi hụi do bà đứng chơi, cô bà con bên chồng nhờ bà chơi dùm, bà không biết họ tên cụ thể và địa chỉ cư trú ở đâu. Chồng bà là ông C cũng không biết việc bà chơi hụi, bà không dùng số tiền hót hụi để phục vụ kinh tế chung của gia đình. Nay bà chỉ đồng ý một mình bà trả số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày:

Việc vợ ông là bà D tham gia chơi hụi với bà H, ông không biết và bà D cũng không dùng tiền chơi hụi để chăm lo kinh tế cho gia đình nên ông không đồng ý trả cho bà H. Ông có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị H. Buộc bà Ngô Thị D trả cho bà Lê Thị H số tiền 114.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc buộc ông Lê Văn C liên đới cùng bà Ngô Thị D trả cho bà Lê Thị H số tiền 114.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà H, nếu bà D chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ngô Thị D trả lại cho bà số tiền nợ hui là 114.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Lý do bà H kháng cáo vì bà cho rằng bà D chơi hui với bà lấy tiền làm kinh tế cho gia đình và hôn nhân bà D và ông C đang tồn tại, bà D đã tham gia góp hui do bà làm chủ đầu thảo nay đã hơn 10 năm nên không có việc ông C là chồng bà D mà không biết.

Bị đơn bà Ngô Thị D không đồng ý với nội D kháng cáo của nguyên đơn, bà cho rằng bà không dùng số tiền hốt hụi để phục vụ kinh tế chung của gia đình, bà chỉ đồng ý một mình trả số tiền trên cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hợp đồng góp hụi giữa bà Lê Thị H và bà Ngô Thị D được hai bên thừa nhận là có thật và bà D cũng thừa nhận còn nợ bà H số tiền 114.000.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bà D xin trả dần không được phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà H chỉ buộc bà D trả cho bà H số tiền 114.000.000 đồng. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bà H có kháng cáo một phần bản án, bà yêu cầu ông Lê Văn C là chồng bà D có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả số tiền nợ hụi 114.000.000 đồng. Thấy rằng bà D trình bày bà chơi hụi là chơi dùm cô bà con bên chồng của bà hoàn toàn không có dùng để trang trải kinh tế chung trong gia đình, phía ông C cho rằng hoàn toàn không biết giao dịch hụi này và bà D không dùng tiền chơi hụi để nhằm mục đích trang trải kinh tế chung của gia đình. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận trong quá trình giao dịch góp hụi chỉ có bà D tham gia chơi cùng với bà H, phía nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là trong quá trình bà D tham gia góp hụi với bà H thì ông C chồng bà D cũng biết việc này hay bà D sử dụng số tiền hốt hụi để sử dụng nhằm mục đích sinh hoạt trong gia đình. Do đó cấp sơ thẩm không buộc ông C có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả cho bà H số tiền 114.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Bà H kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị H. Buộc bà Ngô Thị D trả cho bà Lê Thị H số tiền 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc buộc ông Lê Văn C liên đới cùng bà Ngô Thị D trả cho bà Lê Thị H số tiền 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng